

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP NAM Á

(Ban hành kèm theo Quyết định số/2024/QĐQT-NHNA ngày ... tháng ... năm 2024
của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy chế này quy định về cơ cấu, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị; nội dung và phương thức thực hiện chức năng quản trị - quản lý nhằm đảm bảo hoạt động của Ngân hàng TMCP Nam Á (sau đây gọi tắt là Nam A Bank) tuân thủ theo quy định pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ.
- Quy chế này được áp dụng thống nhất cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các đơn vị, cá nhân trên toàn hệ thống Nam A Bank.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu và/hoặc viết tắt như sau:

- Luật Doanh nghiệp:** là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế trong từng thời kỳ.
- Luật Các tổ chức tín dụng:** là Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế trong từng thời kỳ.
- Điều lệ Nam A Bank:** là Điều lệ của Nam A Bank đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và ban hành tại từng thời điểm.
- Người quản lý** của Nam A Bank: là Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc.
- Người điều hành** của Nam A Bank: là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định của Nam A Bank trong từng thời kỳ.
- Ban TGD:** bao gồm Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc.
- NHNN:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

8. **DHĐCĐ:** Đại hội đồng cổ đông.
9. **HDQT:** Hội đồng quản trị.
10. **BKS:** Ban kiểm soát.
11. **TGD:** Tổng giám đốc.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. HDQT là cơ quan quản trị Nam A Bank, có quyền nhân danh Nam A Bank để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Nam A Bank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. HDQT làm việc theo nguyên tắc tập thể và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HDQT đối với sự phát triển của Nam A Bank.
3. HDQT giao trách nhiệm cho TGD tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HDQT.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HDQT có đầy đủ các quyền theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Nam A Bank, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Nam A Bank và của các đơn vị trong Nam A Bank.
2. Cùng với các thành viên khác của HDQT quản trị hoạt động Nam A Bank theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Nam A Bank.
3. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên HDQT theo đúng quy chế nội bộ của HDQT và sự phân công của Chủ tịch HDQT một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Nam A Bank và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập HDQT trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
4. Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ vấn đề có liên quan đến báo cáo.
5. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch HDQT.
6. Đề nghị Chủ tịch HDQT triệu tập họp HDQT bất thường.
7. Tham dự cuộc họp HDQT, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HDQT theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, chịu trách nhiệm trước

ĐHĐCĐ và HĐQT về quyết định của mình. Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.

8. Thành viên HĐQT không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp HĐQT để quyết định nội dung quy định tại các khoản 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14 và 18 Điều 70 của Luật các tổ chức tín dụng.
9. Thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
10. Giải trình trước ĐHĐCĐ, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
11. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Nam A Bank.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu TGD, Phó TGD, người điều hành khác cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Nam A Bank và của các đơn vị trực thuộc Nam A Bank.
2. Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin thực hiện theo quy định của Nam A Bank.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. HĐQT phải có tối thiểu 05 thành viên và không quá 11 thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do ĐHĐCĐ quyết định.
2. HĐQT phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba (2/3) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành. Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
3. Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
4. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia HĐQT nhưng không được vượt quá 02 thành viên HĐQT của Nam A Bank, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

1.1 Không thuộc đối tượng quy định sau đây:

- a. Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;
- c. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
- d. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
- e. Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại Nam A Bank hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát Nam A Bank theo yêu cầu nhiệm vụ;
- f. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại Nam A Bank;
- g. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
- h. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, TGD (Giám đốc), thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên HĐQT và TGD (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;
- i. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên khác của HĐQT, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên, Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát, TGD (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 của Luật các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;
- j. Người có liên quan của thành viên HĐQT, TGD của Nam A Bank, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 69 của Luật các tổ chức tín dụng;

- k. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;
- l. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Nam A Bank.

1.2 Không đồng thời đảm nhiệm chức vụ trong những trường hợp sau:

- a. Ngoài việc thỏa các điều kiện đối với chức danh là thành viên HĐQT thì Chủ tịch HĐQT không được đồng thời là: người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của Nam A Bank và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.
- b. Thành viên HĐQT không phải là thành viên độc lập của Nam A Bank không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - i. Người điều hành Nam A Bank, trừ trường hợp là TGD của Nam A Bank;
 - ii. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của Nam A Bank hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;
 - iii. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
- c. Thành viên độc lập HĐQT của Nam A Bank không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - i. Người điều hành Nam A Bank;
 - ii. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;
 - iii. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

1.3 Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

1.4 Có bằng đại học trở lên;

1.5 Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm

việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, kế toán, kiểm toán.

2. Thành viên HĐQT độc lập phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - 2.1 Không phải là người đang làm việc cho Nam A Bank hoặc công ty con của Nam A Bank hoặc đã làm việc cho Nam A Bank hoặc công ty con của Nam A Bank trong 03 (ba) năm liền kề trước đó;
 - 2.2 Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Nam A Bank ngoài những khoản phụ cấp của thành viên HĐQT được hưởng;
 - 2.3 Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Nam A Bank, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên BKS của Nam A Bank hoặc công ty con của Nam A Bank;
 - 2.4 Không đại diện sở hữu cổ phần của Nam A Bank; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Nam A Bank;
 - 2.5 Không phải là người quản lý Nam A Bank, thành viên BKS của Nam A Bank tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó.
3. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.
2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm TGD.
3. Chủ tịch HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
 - c. Thay mặt HĐQT ký văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT;
 - d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;

- e. Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- f. Làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;
- g. Bảo đảm thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét;
- h. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch HĐQT;
- i. Giám sát thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công;
- j. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Nam A Bank. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT;
- k. Định kỳ hằng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên HĐQT, các Ủy ban của HĐQT và báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả đánh giá này;
- l. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Nam A Bank, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại ĐHĐCĐ;
- m. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Nam A Bank.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều lệ Nam A Bank, Chủ tịch, thành viên khác của HĐQT của Nam A Bank bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi HĐQT của Nam A Bank;
 - b. Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- c. Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật các tổ chức tín dụng;
 - d. Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 41 và khoản 3 Điều 43 của Luật các tổ chức tín dụng;
 - e. Khi ĐHĐCĐ của Nam A Bank xét thấy việc bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Chủ tịch và thành viên HĐQT là cần thiết;
 - f. Các trường hợp khác do Nam A Bank quy định.
2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên khác của HĐQT của Nam A Bank vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
 3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhân sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN;
 4. Trường hợp HĐQT có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Nam A Bank phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp Nam A Bank được kiểm soát đặc biệt.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử người vào HĐQT theo nguyên tắc đề cử, ứng cử quy định tại Điều lệ Nam A Bank và pháp luật có liên quan. Việc đề cử người vào HĐQT thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử, ứng cử người vào HĐQT phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử, ứng cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử, ứng cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, ứng cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT và các cổ đông khác đề cử, ứng cử.
 - c. Danh sách ứng cử viên phải được gửi tới HĐQT theo thời hạn do HĐQT quy định.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử, ứng cử lại theo quy định tại Điều lệ Nam A Bank, Quy chế nội bộ về quản trị Nam A Bank và Quy chế này. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

3. Việc bầu thành viên HĐQT phải được thực hiện dưới hình thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
4. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Nam A Bank. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.
5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Nam A Bank phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Nam A Bank để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Nam A Bank nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Nam A Bank và các bên có liên quan của Nam A Bank;
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ Nam A Bank.

2. Quyết định việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Nam A Bank.
3. Quyết định cơ cấu tổ chức của trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch, công ty con, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài của Nam A Bank.
4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với TGD, Phó TGD và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của HĐQT.
5. Cử người đại diện phần vốn góp của Nam A Bank tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
6. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Nam A Bank tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Nam A Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ Nam A Bank.
7. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Nam A Bank mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Nam A Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHCĐ.
8. Quyết định khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật các tổ chức tín dụng, trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHCĐ.
9. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Nam A Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Nam A Bank với thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, cổ đông lớn của Nam A Bank; người có liên quan của người quản lý, thành viên BKS, cổ đông lớn của Nam A Bank; công ty con, công ty liên kết của Nam A Bank. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
10. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Nam A Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
11. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo TGD thực hiện nhiệm vụ được phân công; định kỳ hằng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của TGD.
12. Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động của Nam A Bank phù hợp với quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.
13. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Nam A Bank.
14. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.

15. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
16. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Nam A Bank.
17. Quyết định mua lại cổ phần của Nam A Bank theo phương án được duyệt.
18. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
19. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, trừ nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của BKS.
20. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT, chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ; triệu tập ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ.
21. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
22. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên HĐQT, BKS, TGD.
23. Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán Nam A Bank và báo cáo kết quả thực hiện cho ĐHĐCĐ.
24. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
25. Trình Thông đốc NHNN chấp thuận hoặc chuẩn y các vấn đề theo quy định của pháp luật.
26. Kiến nghị việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Nam A Bank.
27. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên ĐHĐCĐ.
28. HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với TGD và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo cho ĐHĐCĐ, báo cáo tài chính năm của Nam A Bank bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.
29. Quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Nam A Bank.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. HĐQT thông qua các hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Nam A Bank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Nam A Bank với thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, cổ đông lớn của Nam A Bank; người có liên quan của người quản lý, thành viên BKS, cổ đông lớn của Nam A Bank; công ty con, công ty

liên kết của Nam A Bank. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.

2. Người đại diện Nam A Bank ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Nam A Bank;
 - b. Số lượng thành viên HĐQT, thành viên BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ Nam A Bank;
 - d. Theo yêu cầu của BKS;
 - e. Quyết định nội dung theo yêu cầu của NHNN khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Nam A Bank.
2. HĐQT phải triệu tập một cuộc họp ĐHĐCĐ trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được một trong các yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các sự kiện nêu tại khoản 1 Điều này.
3. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các Ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị

1. HĐQT thành lập và duy trì các Ủy ban giúp việc bao gồm: Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự.
Ngoài các Ủy ban nêu trên, HĐQT có thể thành lập các Ủy ban, Hội đồng khác nếu thấy cần thiết.
2. Nguyên tắc hoạt động của các Ủy ban:
Mỗi Ủy ban hoạt động theo quy chế tổ chức và hoạt động do HĐQT ban hành. Các Ủy ban là cơ quan tham mưu giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình nhằm tổ chức thực hiện hiệu quả chủ trương, định hướng, quyết định của ĐHCĐ, HĐQT.
3. Người đứng đầu của các Ủy ban phải là thành viên HĐQT và được HĐQT phân công.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Triệu tập và thông báo:
 - a. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
 - b. HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
 - c. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - i. Có đề nghị của BKS hoặc thành viên độc lập HĐQT;
 - ii. Có đề nghị của TGD hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - iii. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;
 - iv. Trường hợp khác do Điều lệ Nam A Bank quy định.Đề nghị quy định tại điểm c Khoản 1 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
 - d. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm c khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Nam A Bank; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

- e. Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của Nam A Bank hoặc những địa điểm khác theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
- f. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp có thể được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Nam A Bank.

2. Điều kiện tiến hành:

Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

3. Tham dự và biểu quyết:

- a. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - i. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - ii. Ủy quyền cho thành viên HĐQT khác đến dự họp và biểu quyết trừ trường hợp ủy quyền tham dự và biểu quyết thông qua các nội dung quy định tại Điều lệ Nam A Bank;
 - iii. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - iv. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - v. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của HĐQT trong từng thời kỳ.
- b. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- c. Thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp thì không có quyền biểu quyết thông qua các giao dịch này.

Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

d. Trường hợp tổ chức theo hội nghị trực tuyến:

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- i. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- ii. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

4. Lấy ý kiến bằng văn bản:

Trường hợp HĐQT lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên HĐQT tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

- a. Được sự nhất trí bằng văn bản của trên 50% (năm mươi phần trăm) các thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
- b. Số lượng thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp HĐQT.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.
 4. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Nam A Bank.
 5. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích và áp dụng theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả quản trị hoạt động ngân hàng, hoạt động của các Ủy ban trực thuộc HĐQT hàng năm và định hướng công tác quản trị năm tiếp theo;
 - b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm và kế hoạch kinh doanh năm tiếp theo;
 - c. Báo cáo hoạt động của BKS và thẩm định báo cáo tài chính năm;
 - d. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều này phải được gửi đến BKS để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên nếu Điều lệ Nam A Bank không có quy định khác.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh được ĐHĐCĐ thông qua.

2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Nam A Bank theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Nam A Bank và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.
6. Thành viên HĐQT có thể được Nam A Bank mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Nam A Bank.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Nam A bank thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên HĐQT của Nam A Bank phải kê khai cho Nam A Bank về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên BKS, TGD (Giám đốc);
 - c. Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên, số định danh cá nhân, quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin.

- d. Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
2. Thành viên HĐQT phải cung cấp bằng văn bản cho Nam A Bank thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
3. Thành viên HĐQT phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Nam A Bank và quy định nội bộ Nam A Bank.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa HĐQT và BKS là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với BKS theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của BKS, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo Ban TGD và người điều hành khác phối hợp xây dựng kế hoạch củng cố, chấn chỉnh. HĐQT cần có biện pháp xử lý nghiêm đối với các Đơn vị và cá nhân liên quan có thái độ né tránh, trì trệ hoặc không chịu chỉnh sửa sai sót, khắc phục vi phạm sau kiểm tra của BKS.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban TGD và người điều hành khác

Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết đề TGD và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Tổ chức thực hiện

HĐQT, BKS, TGD, các Đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.

Điều 25. Điều khoản thi hành

1. Những vấn đề chưa được đề cập trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của Điều lệ Nam A Bank, các quy định nội bộ của Nam A Bank và các quy định pháp luật có liên quan. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này với quy định của Điều lệ Nam A Bank về một vấn đề thì quy định tại Điều lệ Nam A Bank được ưu tiên áp dụng.
2. Trong Quy chế này, bất kỳ dẫn chiếu nào đến các quy định hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc các văn bản thay thế có liên quan. Khi có những nội dung nào trong Quy chế này trái hoặc không còn phù hợp với quy định của pháp luật, thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Hội đồng quản trị của Nam A Bank được bầu trước ngày 01/07/2024 mà không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy chế này được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị được bầu trước ngày 01/07/2024 mà không đáp ứng quy định tại Điều 7 Quy chế này được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Ngô Phúc Vũ

MỤC LỤC

Chương I	1
QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	1
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	2
Chương II.....	2
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2
Điều 4. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	2
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	6
Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Điều 10.Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	8
Điều 11.Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	9
Chương III	9
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	9
Điều 12.Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	9
Điều 13.Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	11
Điều 14.Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	12
Điều 15.Các Ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị	13
Chương IV	13
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	13
Điều 16.Cuộc họp Hội đồng quản trị	13
Điều 17.Biên bản họp Hội đồng quản trị	15
Chương V	16
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....	16
Điều 18.Trình báo cáo hàng năm	16
Điều 19.Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	16
Điều 20.Công khai các lợi ích liên quan	17

Chương VI	18
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	18
Điều 21.Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	18
Điều 22.Mối quan hệ với Ban kiểm soát	18
Điều 23.Mối quan hệ với Ban TGD và người điều hành khác	19
Chương VII.....	19
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	19
Điều 24.Tổ chức thực hiện.....	19
Điều 25.Điều khoản thi hành	19